

Bản án số: 663/2020/DS-PT  
Ngày 10 tháng 12 năm 2020  
“V/v Tranh chấp thừa kế, đòi tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Công

*Các thẩm phán:* Ông Đỗ Đình Thanh

Ông Võ Văn Khoa

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Đức - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 10 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 412/2020/TLPT-DS ngày 06 tháng 8 năm 2020 về “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2020/DS-ST ngày 04/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đ bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3840/2020/QĐ-PT ngày 26 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1952 - Vắng mặt;

Địa chỉ: 180, ấp Tân Long, xã Hòa Thành, huyện L, tỉnh Đ;

*Người đại diện hợp pháp của bà M:* Anh Huỳnh Ngọc E, sinh năm 1978; Địa chỉ: Tổ 12, ấp An Lạc, xã An Bình, huyện C, tỉnh Đ (Văn bản ủy quyền ngày 12/01/2018) – Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1960 – Có mặt;

Trú 453 ấp Phú Thành, xã Tân Phú Đông, thành phố S, tỉnh Đ;

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T:* Bà Hồ Thị Xuân Hương – Trưởng Văn phòng luật sư Xuân Hương thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp – Có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Võ Văn T<sup>1</sup>, sinh năm 1950 – Vắng mặt;

3.2. Ông Võ Hoàng K, sinh năm 1972 – Vắng mặt;

3.3. Ông Võ Hoàng T<sup>2</sup>, sinh năm 1979 – Vắng mặt;

3.4. Chị Võ Thị N, sinh năm 1980 – Vắng mặt;

3.5. Anh Võ Minh N<sup>1</sup>, sinh năm 2000 – Vắng mặt;

3.6. Chị Võ Thị Minh N<sup>2</sup>, sinh năm 2005 – Vắng mặt;

3.7. Anh Phạm Vương T<sup>3</sup>, sinh năm 2005 – Vắng mặt;

Cùng trú 180, ấp Tân Long, xã Hòa Thành, huyện L, tỉnh Đ;

(Ông Võ Hoàng K đại diện cho Võ Thị Minh N<sup>2</sup>; chị Võ Thị N đại diện cho Phạm Vương T<sup>3</sup>)

- 3.8. Ông Lê Văn H, sinh năm 1963 – Vắng mặt;  
3.9. Anh Lê Thanh H<sup>1</sup>, sinh năm 1983 – Vắng mặt;  
3.10. Chị Lê Thị Bích L, sinh năm 1985 – Có mặt;  
3.11. Chị Lê Thị Bích P, sinh năm 1987 – Vắng mặt;  
3.12. Anh Lê Hữu L<sup>1</sup>, sinh năm 1990 – Vắng mặt;  
3.13. Anh Lê Hữu T<sup>4</sup>, sinh năm 1992 – Vắng mặt;  
3.14. Chị Lê Thị Mỹ N<sup>3</sup>, sinh năm 1996 – Vắng mặt;  
Cùng trú 453 ấp Phú Thành, xã Tân Phú Đông, thành phố S, tỉnh Đ;  
*Người đại diện hợp pháp của H, H<sup>1</sup>, P, L<sup>1</sup>, T<sup>4</sup>, N<sup>3</sup>: Chị Lê Thị Bích L (Văn bản ủy quyền ngày 06/6/2019, 26/7/2019 và 17/12/2019) – Có mặt;*  
3.15. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1944 – Vắng mặt;  
Trú 220, ấp Phú Long, xã Tân Phú Đông, thành phố S, tỉnh Đ;  
3.16. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1954 – Vắng mặt;  
Trú 224, ấp Phú Long, xã Tân Phú Đông, thành phố S, tỉnh Đ;  
3.17. Ông Phạm Văn B<sup>1</sup>, sinh năm 1946 – Vắng mặt;  
Trú 476, ấp Phú Thành, xã Tân Phú Đông, thành phố S, tỉnh Đ;  
3.18. Bà Phạm Kim H<sup>2</sup>, sinh năm 1966 – Vắng mặt;  
Trú 220/1, ấp Phú Long, xã Tân Phú Đông, thành phố S, tỉnh Đ;  
3.19. Ủy ban nhân dân thành phố S, tỉnh Đ – Có yêu cầu xét xử vắng mặt;  
4. *Người kháng cáo, kháng nghị:*  
4.1. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M.  
4.2. Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;

#### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M và người đại diện của bà trình bày:*

Thửa đất số 1986, diện tích 4.029,5 m<sup>2</sup> (đo đạc thực tế 3.873 m<sup>2</sup>) ở ấp Phú Thành, xã Tân Phú Đông, thành phố S có nguồn gốc của cha bà là cụ Nguyễn Văn H<sup>3</sup> khai phá từ năm 1945 sử dụng đến năm 1986 thì giao lại cho bà sử dụng đến năm 1999 bà kê khai đăng ký và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Quyết định số 74/QĐ.UB-ND ngày 24/02/2000 của Ủy ban nhân dân thị xã S.

Năm 2001, bà cho chị ruột là Nguyễn Thị Y thuê đất (không lập văn bản) để có thu nhập chăm lo cho cụ H<sup>3</sup> đến năm 2013 bà Y chết thì em của bà là bà Nguyễn Thị T tự ý sử dụng thửa đất nên bà yêu cầu bà T phải trả đất cho bà, nhưng bà T không đồng ý và khiếu nại thì Ủy ban nhân dân thành phố S ra Quyết định số 224/QĐ.UBND-HC ngày 14/3/2014 (Viết tắt Quyết định 224) và Quyết định số 506/QĐ.UBND-HC ngày 14/10/2014 (Viết tắt Quyết định 506) giải quyết tranh chấp thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà. Sau đó bà khiếu kiện vụ án hành chính thì Ủy ban nhân dân thành phố S ra Quyết định số 227/QĐ.UBND-HC ngày 15/6/2017 và Quyết định số 228/QĐ.UBND-HC ngày 16/6/2017 hủy Quyết định số 224 và hủy Quyết định số 506 nên thửa đất 1986 vẫn còn thuộc quyền sử dụng của bà.

Bà Nguyễn Thị M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị T giao trả cho bà thửa đất số 1986; đồng thời không đồng ý yêu cầu phản tố của bà T đòi hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà và bà không có yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ H<sup>3</sup>, mà sẽ khởi kiện vụ án khác.

*Bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:*

Thửa đất 1986 là của cụ H<sup>3</sup> mua của bà Nguyễn Thị Quyên năm 1960 và cụ H<sup>3</sup> sử dụng đến năm 1985 giao lại cho vợ chồng bà T, ông Lê Văn H sử dụng đến năm

2003 thì giao lại cho con là Lê Văn H<sup>1</sup> và chị ruột là Nguyễn Thị Y canh tác. Năm 2013, bà Y chết thì vợ chồng bà T tiếp tục quản lý sử dụng đất, có nộp thuế (ghi tên cụ H<sup>3</sup>) đầy đủ trên 33 năm và không ai tranh chấp. Bà M không sử dụng đất nhưng tự ý kê khai và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là sai quy định nên bà khiếu nại thì Ủy ban nhân dân thành phố S ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà M. Bà M khởi kiện hành chính thì Ủy ban ra quyết định thu hồi quyết định thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên bà M rút đơn kiện và Tòa án nhân dân thành phố S ra Quyết định số 02/2017/HC-ST ngày 26/6/2017 đình chỉ vụ án.

Bà T không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà M vì cụ H<sup>3</sup> đã cho vợ chồng bà thừa đất này canh tác từ năm 1985 đến nay và bà nộp thuế đất đầy đủ. Bà T phản tố yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà M, yêu cầu công nhận thửa đất 1986 thuộc quyền sử dụng của bà và chưa có yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ H<sup>3</sup> trong vụ án này. Nếu Tòa án công nhận đất cho bà M thì bà yêu cầu bà M bồi thường các cây chuối bà trồng trên đất.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Văn H, Lê Thanh H<sup>1</sup>, Lê Thị Bích L, Lê Thị Bích P, Lê Hữu L<sup>1</sup>, Lê Hữu T<sup>4</sup> và Lê Thị Mỹ N<sup>3</sup> đều trình bày: Thống nhất ý kiến của bà Nguyễn Thị T.*

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị B, Phạm Văn B<sup>1</sup> và Phạm Kim H<sup>2</sup> đều trình bày: Đất là của bà T, thống nhất cho bà T đứng tên quyền sử dụng đất. Không có yêu cầu chia thừa kế và xin vắng mặt tại Tòa.*

*Người đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thành phố S trình bày: Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 1986, tờ bản đồ số 02, diện tích 4.029,5 m<sup>2</sup> ngày 24/02/2000 cho bà Nguyễn Thị M trên cơ sở Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất ngày 23/9/1999, không có đo đạc thực tế mà theo diện tích bà M kê khai, tự đo đạc theo sơ đồ ngày 23/9/1999. Ngoài ra, Ủy ban nhân dân thành phố S không có ý kiến gì thêm.*

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2020/DS-ST ngày 04/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đ đã quyết định:*

Căn cứ Điều 26, Điều 37, Điều 147, Điều 156, khoản 1 Điều 157, Điều 158, khoản 1 Điều 165, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 100, Điều 203 Luật Đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M đòi hộ bà Nguyễn Thị T trả lại diện tích 4.029,5 m<sup>2</sup> diện tích đất qua đo đạc thực tế là 3.873,0 m<sup>2</sup> thể hiện tại các mốc 1-2-3-4-5-6-7-1, thuộc thửa 1986, tờ bản đồ 02 tọa lạc ấp Phú Thành, xã Tân Phú Đông, thành phố S, tỉnh Đ.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị T yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Nguyễn Thị M ngày 31/3/1997 đối với thửa đất số 1986, tờ bản đồ 02, diện tích 4.029,5 m<sup>2</sup> (diện tích qua đo đạc thực tế là 3.873 m<sup>2</sup>) tọa lạc ấp Phú Thành, xã Tân Phú Đông, thành phố S, tỉnh Đ.

3. Hủy một phần Quyết định số 74/QĐ.UB-ND ngày 24/02/2000 của Ủy ban nhân dân thị xã S nay là thành phố S về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ bà Nguyễn Thị M và hủy thửa đất số 1986, tờ bản đồ 02, diện tích 4.029,5

m<sup>2</sup> (diện tích qua đo đạc thực tế là 3.873 m<sup>2</sup>) trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân thị xã S (nay là thành phố S) cấp ngày 31/3/1997 cho bà Nguyễn Thị M, đất tọa lạc ấp Phú Thành, xã Tân Phú Đông, thành phố S, tỉnh Đ.

4. Công nhận cho hộ bà Nguyễn Thị T được sử dụng diện tích 4.029,5 m<sup>2</sup> đất (diện tích qua đo đạc thực tế là 3.873,0 m<sup>2</sup>) thể hiện các mốc 1-2-3-4-5-6-7-1, thuộc thửa 1986, tờ bản đồ 02 tọa lạc ấp Phú Thành, xã Tân Phú Đông, thành phố S, tỉnh Đ.

(Kèm theo sơ đồ đo đạc ngày 12/4/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố S)

Hộ bà Nguyễn Thị T được quyền đến cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục kê khai, đăng ký phân đất của mình được sử dụng theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng; về án phí dân sự sơ thẩm; về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 16/6/2020, nguyên đơn bà Nguyễn Thị M có đơn kháng cáo yêu cầu buộc bà Tám trả cho bà thửa đất số 1986.

Tại Quyết định số 19/QĐKNPT-VKS-DS ngày 03/7/2020 của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị phúc thẩm đề nghị sửa Bản án sơ thẩm, tạm thời giao cho bà Nguyễn Thị T quản lý, sử dụng di sản của cụ Nguyễn Văn H<sup>3</sup> diện tích 3.873,0 m<sup>2</sup>, thuộc thửa 1986, tờ bản đồ 02 tọa lạc ấp Phú Thành, xã Tân Phú Đông, thành phố S, tỉnh Đ.

*Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:*

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị M giữ nguyên kháng cáo yêu cầu bà Nguyễn Thị T trả cho bà M thửa đất số 1986 thì bà M sẽ tặng lại cho bà T phân nửa diện tích thửa đất này. Đất của vợ chồng cụ H<sup>3</sup>, cụ N<sup>4</sup> nhưng cụ H<sup>3</sup> định đoạt hết là không đúng, yêu cầu được áp dụng Án lệ số 24.

Bà Nguyễn Thị T không đồng ý kháng cáo của bà Nguyễn Thị M và cũng không đồng ý kháng nghị của Viện kiểm sát chỉ tạm giao đất cho bà.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị T đề nghị xem xét cụ H<sup>3</sup>, bà Y ở cùng nhà và cùng hộ khẩu với bà T nên khi cụ H<sup>3</sup> và bà Y chết thì quyền sử dụng đất thuộc về bà T. Sau khi xét xử sơ thẩm, tất cả các con của cụ H<sup>3</sup> đều có đơn gửi cho Tòa phúc thẩm nêu ý kiến đồng ý giao thửa đất 1986 cho bà T sử dụng nên không nhất thiết phải tạm giao như kháng nghị của Viện kiểm sát nên đề nghị không chấp nhận phần kháng nghị này, bác kháng cáo của bà M và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Chị Lê Thị Bích L không có ý kiến.

Kiểm sát viên có ý kiến Hội đồng xét xử phúc thẩm và đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về hình thức đơn kháng cáo và quyết định kháng nghị hợp lệ; về nội dung đề nghị bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị M, chấp nhận kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chỉ tạm giao cho bà Nguyễn Thị T quản lý phần đất đang tranh chấp.

### **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M và quyết định kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đảm bảo hình thức, thời hạn, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Phiên tòa triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng một số đương sự vắng mặt không lý do nên việc xét xử vẫn tiến hành theo quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] Các bên đương sự đều xác định phần đất tranh chấp tại thửa số 1986, tờ bản đồ số 2, diện tích 4.029 m<sup>2</sup> (đo đạc thực tế 3.873 m<sup>2</sup>) ấp Phú Thành, xã Tân Phú Đông, thành phố S, tỉnh Đ có nguồn gốc của vợ chồng cụ Lê Thị N<sup>4</sup> (chết ngày 20/7/1988) với cụ Nguyễn Văn H<sup>3</sup>.

Tại Biên bản họp nội bộ gia đình ngày 20/9/1999 (bút lục 343) thể hiện cụ Nguyễn Văn H<sup>3</sup> phân chia đất ruộng, vườn cho các con gồm: Nguyễn Thị Y, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị Đ mỗi người 14 công đất; còn lại 17 công cụ Nguyễn Văn H<sup>3</sup> hưởng đến khi qua đời thì sẽ chia làm hai cho Nguyễn Thị T phân nữa, Nguyễn Thị Y phân nữa. Cụ H<sup>3</sup> và các con đều ký tên thống nhất nội dung phân chia này, chứng tỏ các thừa kế của cụ N<sup>4</sup> (vợ cụ H<sup>3</sup>) đã thống nhất phân chia đối với toàn bộ số đất của cụ N<sup>4</sup> và cụ H<sup>3</sup>, nên không có căn cứ để áp dụng Án lệ số 24 theo đề nghị của người đại diện hợp pháp của bà M.

Thửa đất số 1986 đang tranh chấp nằm trong phần 17 công đất phần của cụ Nguyễn Văn H<sup>3</sup> do bà Nguyễn Thị Y quản lý sử dụng để phụng dưỡng cụ Nguyễn Văn H<sup>3</sup> cho đến ngày 25/4/2013 thì bà Nguyễn Thị Y chết, bà Nguyễn Thị T tiếp tục quản lý sử dụng thửa đất số 1986 đến nay.

Ngày 23/9/1999, bà Nguyễn Thị M kê khai và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Danh sách đính kèm Quyết định số 74/QĐ.UB-NĐ ngày 24/02/2000 của Ủy ban nhân dân thành phố S, thửa đất số 1986, tờ bản đồ 02, diện tích 4.029,5 m<sup>2</sup>, nguồn gốc cha cho con. Ngày 14/8/2013, cụ Nguyễn Văn H<sup>3</sup> có đơn khiếu nại việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 1986 cho bà Nguyễn Thị M là không đúng đối tượng.

Ngày 12/11/2014, cụ Nguyễn Văn H<sup>3</sup> chết.

[3] Bà Nguyễn Thị M không xuất trình được chứng cứ chứng minh bà được cụ Nguyễn Văn H<sup>3</sup> tặng cho thửa đất số 1986, trái lại, khi biết được việc bà Nguyễn Thị M kê khai đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 1986 thì cụ Nguyễn Văn H<sup>3</sup> đã có đơn khiếu nại đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, chứng tỏ cụ Nguyễn Văn H<sup>3</sup> không tặng cho bà Nguyễn Thị M thửa đất số 1986 như bà Nguyễn Thị M trình bày. Đồng thời trên thực tế người quản lý, sử dụng đất là bà Nguyễn Thị Y và sau khi bà Y chết thì bà Nguyễn Thị T tiếp tục quản lý sử dụng, còn bà Nguyễn Thị M không quản lý, sử dụng đất. Bà M cho rằng bà cho bà Y thuê đất, nhưng ngoài lời trình bày bằng lời nói đơn phương của mình không được các đương sự khác thừa nhận, bà M không xuất trình được chứng cứ chứng minh bà cho bà Y thuê đất. Vì vậy, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị M.

[4] Bà Y chết khi cụ H<sup>3</sup> còn sống nên đất vẫn còn là của cụ H<sup>3</sup>. Bà Nguyễn Thị T không cung cấp được chứng cứ chứng minh cụ Nguyễn Văn H<sup>3</sup> đã tặng cho bà thửa đất số 1986, đồng thời trong các thừa kế của cụ Nguyễn Văn H<sup>3</sup> có bà Nguyễn Thị M không đồng ý cho bà Nguyễn Thị T được quyền sử dụng thửa đất số 1986. Do vậy, Bản án sơ thẩm công nhận cho hộ bà Nguyễn Thị T được quyền sử dụng và kê khai đăng ký thửa đất số 1986 là chưa đủ căn cứ, mà chỉ có thể tạm giao cho bà Nguyễn Thị T tiếp tục quản lý sử dụng cho đến khi các thừa kế của cụ H<sup>3</sup> thỏa thuận hoặc có quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hay Bản án có hiệu lực pháp luật, nên phải sửa Bản án sơ thẩm theo kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân

dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh thì mới đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của tất cả các thừa kế của cụ Nguyễn Văn H<sup>3</sup>.

[5] Bà Nguyễn Thị M là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về chi phí tố tụng; về án phí dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

2. Chấp nhận kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị M; Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2020/DS-ST ngày 04/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đ như sau:

2.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M đòi hộ bà Nguyễn Thị T trả lại cho bà thửa đất số 1986, tờ bản đồ 02, diện tích 4.029,5 m<sup>2</sup> (đo đạc thực tế 3.873 m<sup>2</sup>), tọa lạc ấp Phú Thành, xã Tân Phú Đông, thành phố S, tỉnh Đ.

2.2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị T:

2.2.1. Hủy một phần Quyết định số 74/QĐ.UB-ND ngày 24/02/2000 của Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) S và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 301760 ngày 31/3/1997 cấp cho hộ bà Nguyễn Thị M đối với thửa đất số 1986, tờ bản đồ 02, diện tích 4.029,5 m<sup>2</sup> (đo đạc thực tế 3.873 m<sup>2</sup>) tọa lạc ấp Phú Thành, xã Tân Phú Đông, thành phố S, tỉnh Đ.

2.2.2. Tạm giao cho bà Nguyễn Thị T tiếp tục quản lý, sử dụng thửa đất số 1986, diện tích 4.029,5 m<sup>2</sup> (đo đạc thực tế 3.873,0 m<sup>2</sup>), tờ bản đồ 02 tọa lạc ấp Phú Thành, xã Tân Phú Đông, thành phố S, tỉnh Đ cho đến khi các thừa kế của cụ H<sup>3</sup> thỏa thuận hoặc có quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hay Bản án có hiệu lực pháp luật đối với diện tích đất trên.

2.2.3. Diện tích, kích thước, hình thể, giáp giới thửa đất số 1986 được xác định thể hiện các mốc 1-2-3-4-5-6-7-1 tại Sơ đồ đo đạc do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố S lập ngày 12/4/2018, ký duyệt ngày 12/6/2018 (bút lục 250).

3. Bà Nguyễn Thị M được miễn án phí dân sự phúc thẩm;

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về chi phí tố tụng; về án phí dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

#### **Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Cục THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Văn Công**







